ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP THÚ Y

(Ban hành kèm theo Quyết định số 160^{A}/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 08/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Thái Nguyên)

Tên ngành, nghề: Thú y
Mã ngành, nghề: 5640101
Trình độ đào tạo: Trung cấp
Hình thức đào tạo: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở, tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
Thời gian đào tạo: 2,0 năm. Trong đó:

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian thực tập trải nghiệm: 0,5 năm.

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THCS:

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian học văn hóa: 0,5 năm *(bố trí xen kẽ trong thời gian học chuyên môn).*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ kỹ thuật chuyên về thú y trình độ trung cấp có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, có năng lực làm việc tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

+ Có kiến thức ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để sử dụng trong hoạt động nghề nghiệp;

+ Nắm vững các kiến thức khoa học về giải phẫu cơ thể và các đặc điểm sinh lý của động vật;

+ Nắm vững được kiến thức về vi sinh vật gây bệnh cho vật nuôi;

+ Nắm vững các loại thuốc và hóa dược sử dụng trong chăn nuôi thú y;

+ Hiểu rõ Luật thú y trong công tác chăn nuôi và phòng trị bệnh;

- Kỹ năng:

+ Thành thạo việc tiêm phòng, trị bệnh cho các đối tượng vật nuôi;

+ Thành thạo các khâu trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng các đối tượng vật nuôi (trâu, bò, lợn, gà, vịt, chó, mèo, dê, thỏ);

+ Căn cứ vào triệu chứng và bệnh tích để sơ bộ chẩn đoán bệnh cho vật nuôi;

+ Có thể đưa ra phác đồ điều trị bệnh cho vật nuôi hiệu quả khi xác định được nguyên nhân gây bệnh;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có phẩm chất đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, trách nhiệm công dân.

- Có phương pháp làm việc khoa học; biết xác định, phân tích các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, sáng tạo trong thực hiện công việc.

- Có khả năng làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn.

- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

- Chính trị, đạo đức:

+ Biết, hiểu và thực hiện trong thực tế cuộc sống những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật trong thể chế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Biết, hiểu và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;

+ Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có sức khoẻ, thường xuyên rèn luyện sức khỏe để hoàn thành tốt các công việc;

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;

+ Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp đạt trình độ Trung cấp Thú y, sinh viên có đủ năng lực chuyên môn để làm việc tại các cơ quan chuyên ngành Thú y hoặc các hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình và có thể tổ chức được một của hàng thuốc Thú y ở quy mô nhỏ;

- Tham gia phục vụ những nghiên cứu nhỏ và vừa trong các trang trại.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 24 MH/MĐ
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 62 tín chỉ - 1400 giờ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1145 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 492 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 850 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/module	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH, TT, TN, BT	Thi/ KT
I	**Các môn học chung**					
POL121(MH)	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
LAW111(MH)	Pháp luật	1	15	9	5	1

PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MIE121(MH)	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
GIF121(MH)	Tin học	2	45	15	29	1
ENG141(MH)	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
	Tổng (I)	***12***	***255***	***94***	***148***	***13***
II	**Các môn học, module đào tạo nghề**					
II.1	***Các môn học, module kỹ thuật cơ sở***					
ZOO221(MH)	Động vật học	2	40	17	20	3
ADA221(MH)	Giải phẫu vật nuôi	2	40	17	20	3
APH221(MH)	Sinh lý vật nuôi	2	40	17	20	3
AFN221(MH)	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	2	40	17	20	3
	Tổng (II.1)	***8***	***160***	***68***	***80***	***12***
II.2	***Các môn học, module chuyên môn nghề***					
VMI331(MĐ)	Vi sinh vật thú y	3	60	30	27	3
PHA331(MĐ)	Dược lý thú y	3	60	30	27	3
RCD331(MĐ)	Kỹ thuật chăn nuôi gà, vịt	3	60	30	27	3
TRP331(MĐ)	Kỹ thuật chăn nuôi lợn	3	60	30	27	3
RBC331(MĐ)	Kỹ thuật chăn nuôi trâu, bò	3	60	30	27	3
RDC321(MĐ)	Kỹ thuật chăn nuôi chó, mèo	2	45	15	28	2
DTC341(MĐ)	Kỹ thuật phòng trị bệnh cho gà, vịt	4	90	30	56	4
DTP341(MĐ)	Kỹ thuật phòng trị bệnh cho lợn	4	90	30	56	4
DTB341(MĐ)	Kỹ thuật phòng trị bệnh cho trâu, bò	4	90	30	56	4
DTD331(MĐ)	Kỹ thuật phòng trị bệnh cho chó, mèo	3	60	30	27	3
LHY321(MĐ)	Vệ sinh thú y	2	45	15	28	2
EMA321(MH)	Phương pháp thí nghiệm	2	45	15	28	2
VEL321(MH)	Luật thú y	2	40	20	18	2
VEM441(MĐ)	Thực tập trải nghiệm	4	180	0	180	0
	Tổng (II.2)	***42***	***985***	***330***	***622***	***38***
	Tổng II	***50***	***1145***	***398***	***702***	***50***
Tổng cộng		**62**	**1400**	**492**	**850**	**63**

Ghi chú:

- Tỷ lệ giờ thực hành/tổng số giờ: 61%.

- Tổng số giờ thực hành, thực tập thực tế: *(gồm giờ thực hành MH, MĐ và giờ thực tập trải nghiệm):* 1650 giờ. *(Trong đó: Giờ thực tập trải nghiệm = 800 giờ).*

- Quy định về thời lượng:

+) 1 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận +15 giờ tự học) hoặc (45 giờ thực tập cơ sở, làm tiểu luận, đồ án, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp…).

+) 1 giờ học lý lý thuyết = 45 phút; 1 giờ học thực hành/tích hợp = 60 phút.

- Bố trí giờ thực hành của các MH, MĐ chuyên môn nghề:

+) Lớp < 10 sinh viên: Bố trí 20% thực hành tại trường; 80% thực hành tại các doanh nghiệp.

+) Lớp >10 sinh viên: Bố trí 40% thực hành tại trường; 60% thực hành tại các doanh nghiệp.

4. Phân kỳ chương trình đào tạo

PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP

DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THPT

NGÀNH NGHỀ: THÚ Y

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ			
				Tổng số	Trong đó			HKI	HKII	HKIII	HKIV
					LT	TH/ BT	KT				
I	**Các môn học chung/đại cương**										
POL121(MH)	Giáo dục chính trị	Lý thuyết	2	30	15	13	2	30			
LAW111(MH)	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	9	5	1	15			
PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	4	24	2		30		
MIE121(MH)	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	21	21	3			45	
GIF121(MH)	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
ENG141(MH)	Tiếng Anh	Tích hợp	4	90	30	56	4		90		
	Tổng (I)		***12***	***255***	***94***	***148***	***13***	***90***	***120***	***45***	***0***
II	**Các môn học, mô đun chuyên môn**										
II.1	***Môn học, mô đun cơ sở***										
ZOO221(MH)	Động vật học	Lý thuyết	2	40	17	20	3	40			
ADA221(MH)	Giải phẫu vật nuôi	Lý thuyết	2	40	17	20	3	40			
APH221(MH)	Sinh lý vật nuôi	Lý thuyết	2	40	17	20	3	40			
AFN221(MH)	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Lý thuyết	2	40	17	20	3	40			
	Tổng (II.1)		***8***	***160***	***68***	***80***	***12***	***160***	***0***	***0***	***0***

II.2	***Môn học, mô đun chuyên môn***										
VMI331(MĐ)	Vi sinh vật thú y	Tích hợp	3	60	30	27	3	60			
PHA331(MĐ)	Dược lý thú y	Tích hợp	3	60	30	27	3	60			
RCD331(MĐ)	Kỹ thuật chăn nuôi gà, vịt	Tích hợp	3	60	30	27	3		60		
TRP331(MĐ)	Kỹ thuật chăn nuôi lợn	Tích hợp	3	60	30	27	3		60		
RBC331(MĐ)	Kỹ thuật chăn nuôi trâu, bò	Tích hợp	3	60	30	27	3			60	
RDC321(MĐ)	Kỹ thuật chăn nuôi chó, mèo	Tích hợp	2	45	15	28	2			45	
DTC341(MĐ)	Kỹ thuật phòng trị bệnh cho gà, vịt	Tích hợp	4	90	30	56	4		90		
DTP341(MĐ)	Kỹ thuật phòng trị bệnh cho lợn	Tích hợp	4	90	30	56	4		90		
DTB341(MĐ)	Kỹ thuật phòng trị bệnh cho trâu, bò	Tích hợp	4	90	30	56	4			90	
DTD331(MĐ)	Kỹ thuật phòng trị bệnh cho chó, mèo	Tích hợp	3	60	30	27	3			60	
LHY321(MĐ)	Vệ sinh thú y	Tích hợp	2	45	15	28	2	45			
EMA321(MĐ)	Phương pháp thí nghiệm	Lý thuyết	2	45	15	28	2			45	
VEL321(MĐ)	Luật thú y	Lý thuyết	2	40	15	28	2			45	
VEM441(MĐ)	Trải nghiệm thực tế	Thực hành	4	180	0	180	0				180
	Tổng (II.2)		***42***	***985***	***330***	***622***	***38***	***165***	***300***	***345***	***180***
	Tổng II		***50***	***1145***	***398***	***702***	***50***	***325***	***300***	***345***	***180***
Tổng cộng			***62***	***1400***	***492***	***850***	***63***	***415***	***420***	***390***	***180***
	Tổng giờ theo HK							**415**	**420**	**390**	**180**

PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THCS
NGÀNH NGHỀ: THÚ Y

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ			
				Tổng số	Trong đó			HKI	HKII	HKIII	HKIV
					LT	TH/ BT	KT				
I	**Các môn học chung/đại cương**										
POL121(MH)	Giáo dục chính trị	Lý thuyết	2	30	15	13	2	30			
LAW111(MH)	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	9	5	1	15			
PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	4	24	2		30		
MIE121(MH)	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	21	21	3			45	
GIF121(MH)	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
ENG141(MH)	Tiếng Anh	Tích hợp	4	90	30	56	4		90		
	Tổng (I)		***12***	***255***	***94***	***148***	***13***	***90***	***120***	***45***	***0***
II	**Các môn học, mô đun chuyên môn**										
II.1	***Môn học, mô đun cơ sở***										
ZOO221(MH)	Động vật học	Lý thuyết	2	40	17	20	3	40			
ADA221(MH)	Giải phẫu vật nuôi	Lý thuyết	2	40	17	20	3	40			
APH221(MH)	Sinh lý vật nuôi	Lý thuyết	2	40	17	20	3	40			
AFN221(MH)	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Lý thuyết	2	40	17	20	3	40			
	Tổng (II.1)		***8***	***160***	***68***	***80***	***12***	***160***	***0***	***0***	***0***

II.2	***Môn học, mô đun chuyên môn***										
VMI331(MĐ)	Vi sinh vật thú y	Tích hợp	3	60	30	27	3	60			
PHA331(MĐ)	Dược lý thú y	Tích hợp	3	60	30	27	3	60			
RCD331(MĐ)	Kỹ thuật chăn nuôi gà, vịt	Tích hợp	3	60	30	27	3		60		
TRP331(MĐ)	Kỹ thuật chăn nuôi lợn	Tích hợp	3	60	30	27	3		60		
RBC331(MĐ)	Kỹ thuật chăn nuôi trâu, bò	Tích hợp	3	60	30	27	3			60	
RDC321(MĐ)	Kỹ thuật chăn nuôi chó, mèo	Tích hợp	2	45	15	28	2			45	
DTC341(MĐ)	Kỹ thuật phòng trị bệnh cho gà, vịt	Tích hợp	4	90	30	56	4		90		
DTP341(MĐ)	Kỹ thuật phòng trị bệnh cho lợn	Tích hợp	4	90	30	56	4		90		
DTB341(MĐ)	Kỹ thuật phòng trị bệnh cho trâu, bò	Tích hợp	4	90	30	56	4			90	
DTD331(MĐ)	Kỹ thuật phòng trị bệnh cho chó, mèo	Tích hợp	3	60	30	27	3			60	
LHY321(MĐ)	Vệ sinh thú y	Tích hợp	2	45	15	28	2	45			
EMA321(MH)	Phương pháp thí nghiệm	Lý thuyết	2	45	15	28	2			45	
VEL321(MH)	Luật thú y	Lý thuyết	2	40	15	28	2			45	
	Học văn hóa	Lý thuyết	4	180		180					180
	Tổng (II.2)		***42***	***985***	***330***	***622***	***38***	***165***	***300***	***345***	***180***
	Tổng II		***50***	***1145***	***398***	***702***	***50***	***325***	***300***	***345***	***180***
Tổng cộng			***62***	***1400***	***492***	***850***	***63***	***415***	***420***	***390***	***180***
	Tổng giờ theo HK							**415**	**420**	**390**	**180**

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Phương thức tổ chức đào tạo: Chương trình đào tạo của Thú y được thực hiện theo phương thức Tích lũy tín chỉ.

5.1. Các môn học chung

Các môn học chung được thực hiện theo quy định bắt buộc của Bộ LĐTBXH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của mỗi trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp *(gọi tắt là Thông tư 09)* và Quyết định số 654/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 21/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ và kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp *(gọi tắt là Quyết định 654).*

5.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 09 và Quyết định 654.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Ngô Xuân Hoàng